TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 47/2018/HS-PT
Ngày: 03-8-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tỉnh

Ông Nguyễn Kim Tư

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thiên Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:***

Bà Nguyễn Ngọc Nồm– Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2018/TLHS - PT ngày 22 tháng 6 năm 2018 đối với các bị cáo Nguyễn Hoàng P và Nguyễn Thành H do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 22/2018/HSST ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- *Các bị cáo có kháng cáo:*

1. Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 20/4/1996 tại tỉnh B; nơi cư trú: ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh B; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành H, sinh năm 1966 và bà Trần Thị H, sinh năm 1978; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/11/2017 đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Thành H (H Cá sấu), sinh ngày 26/7/1966 tại tỉnh B; nơi cư trú: ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh B; nghề nghiệp; chạy xe ôm; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (chết) và bà Hồ Thị Mỹ A, sinh năm 1942; có vợ là Trần Thị H, sinh năm 1978 (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 1996; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 24/4/1984 bị Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre bắt đến ngày 27/11/1984 được Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre ra quyết định miễn tố về hành vi trộm cắp tài sản của công dân. Ngày 09/01/1985 bị Công an tỉnh Bến Tre bắt

lập danh chỉ bản về hành vi trộm cắp tài sản của công dân. Ngày 03/11/1985 bị Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre bắt về hành vi trộm cắp tài sản của công dân. Ngày 10/4/1987 bị Công an tỉnh Bến Tre bắt lập danh chỉ bản về hành vi trộm cắp tài sản của công dân. Ngày 28/5/1987 bị bắt đi cải tạo tập T theo Quyết định số 387/UB-QĐ của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre trong thời hạn 03 năm về hành vi trộm cắp tài sản của công dân. Ngày 01/7/1992 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xử phạt 12 tháng tù về "Tội trộm cắp tài sản của công dân". Ngày 25/6/1994 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xử phạt 09 tháng tù về "Tội trộm cắp tài sản của công dân". Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 206 ngày 22/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre; có mặt.

- *Người có liên quan đến kháng cáo:* bị hại Trần Văn T, sinh năm 1973. Nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hoàng P là người nghiện ma túy, để có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng nên trong khoảng thời gian từ tháng 9/2017 đến tháng 11/2017 P đã liên tiếp thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Châu Thành, cụ thể:

Vụ thứ nhất:

Vào khoảng 16 giờ ngày 29/9/2017, trong lúc Nguyễn Hoàng P đi bộ ngang qua nhà của chị Huỳnh Thị Diễm T tại khu phố x, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre thì P phát hiện 01 xe ô tô nhãn hiệu Yamaha, loại nozza biển số 71B1-xxx.xx của chị T đang đậu trước cửa nhà, không ai trông coi, trên xe có gắn chìa khóa nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. P liền đi đến, leo lên xe nổ máy thì bị chị T trong nhà phát hiện nên kêu chồng là anh Nguyễn Văn N đuổi theo nhưng không kịp nên đã trình báo công an. Sau khi thoát qua cầu Rạch Miễu đến địa phận tỉnh Tiền Giang, P ngừng xe lại kiểm tra thì phát hiện trong bóp có 9.780.500 đồng và một số tài sản khác nên lấy tiền bỏ vào túi quần cùng với 20.000 đồng P mang theo. Sau đó, P mua nước uống hết 10.000 đồng, đổ xăng hết 65.000 đồng rồi tiếp tục điều khiển xe chạy hướng lên Thành phố Hồ Chí Minh với mục đích tìm nơi tiêu thụ. Tuy nhiên, khi P lưu thông đến khu vực thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An thì bị lực lượng dân phòng yêu cầu ngừng xe và bắt giữ.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Nozza, biển kiểm soát 71B1-xxx.xx.
- Số tiền 9.725.500 đồng.
- 02 dây chuyền màu trắng.
- 03 thẻ ngân hàng.
- 01 bóp nữ màu nâu, 01 bóp nữ màu xanh trắng.

- 02 CMND mang tên Huỳnh Thị Diễm T và Huỳnh Văn Â và một số giấy tờ cá nhân khác.

Tại bản kết luận định giá số 872/KL-HDĐG của Hội đồng định giá huyện Châu Thành kết luận tổng số tài sản mà P đã chiếm đoạt có giá trị 28.862.500 đồng.

Vụ thứ hai:

Vào khoảng 01 giờ ngày 04/11/2017, trong lúc Nguyễn Hoàng P đi bộ ngang qua nhà của anh Trần Văn T tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre để về nhà mẹ ruột của mình chơi thì thấy nhà anh T còn sáng đèn nên nảy sinh ý định vào tìm tài sản để lấy trộm. Khi vào bên trong nhà, P nhìn thấy có 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave biển số 71B1-xxx.xx đang dựng ở nhà sau không có ai trông coi, trên xe có gắn chìa khóa nên vào lấy rồi nổ máy xe chạy về nhà cất giấu. Khi về đến nhà, P gặp Nguyễn Thành H là cha ruột của P hỏi: "xe này ở đâu?", P trả lời: "lấy trộm trên đường đi qua nhà mẹ", nói xong P dùng chìa khóa tháo hai cái bửng của xe để lại rồi đem xe đi bán cho Nguyễn Thị Đ (U) ở ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre với số tiền 2.000.000 đồng. Sau khi bán xe xong, P về nhà và nói cho H biết đã bán chiếc xe trên cho Út. Do thấy P bán chiếc xe trên với giá rẻ nên H đã chuộc lại chiếc xe trên rồi mang về nhà. P dùng sơn màu đen sơn lại, H tháo biển số 71B1-xxx.xx , gắn biển số 51Z8-xxxx đem đi bán. Tuy nhiên chưa bán được thì bị Công an phát hiện và thu giữ.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave được sơn màu đen, biển kiểm soát 51Z8-xxxx .
- 01 biển số 71B1-xxx.xx .
- 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 71B1-xxx.xx mang tên Trần Thị Ngọc D.
- 01 bửng, 02 yếm xe mô tô loại Wave màu đen.
- 01 chai sơn phun màu đen đã qua sử dụng.

Tại bản kết luận định giá số 1010/KL-HDĐG của Hội đồng định giá huyện Châu Thành kết luận:

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave apha, biển số 71B1-xxx.xx , mua năm 2012 với giá 16.700.000 đồng. Giá trị còn lại đến ngày giám định là 8.000.000 đồng.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Châu Thành đã trả lại tiền, giấy tờ tùy thân và toàn bộ tài sản bị mất cho chị Huỳnh Thị Diễm T; trả lại chiếc xe mô tô biển số 71B1-xxx.xx , 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 71B1-xxx.xx mang tên Trần Thị Ngọc D, 02 bửng, 01 yếm xe mô tô loại Wave màu đen cho anh Trần Văn T. Hiện chị T đã nhận lại toàn bộ số tài sản bị mất và không có yêu cầu gì khác; riêng anh T yêu cầu hai bị cáo bồi thường 5.300.000 đồng là số tiền sửa chữa chiếc xe 71B1-xxx.xx lại như hiện trạng ban đầu.

Đối với hành vi mua chiếc xe biển số 71B1-xxx.xx của P bán cho Nguyễn Thị Đ và Đ bán lại cho P 1.000.000 đồng tiền ma túy. Quá trình điều tra Đ không thừa nhận

việc có bán ma túy cho P cũng như tại thời điểm mua xe do P bán Đ không biết là tài sản do trộm cắp mà có. Do đó, không có cơ sở xem xét xử lý.

Quá trình điều tra, Nguyễn Hoàng P, Nguyễn Thành H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với các chứng cứ đã thu thập được.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2018/HS-ST ngày 16-5-2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng P phạm "Tội trộm cắp tài sản" và bị cáo Nguyễn Thành H phạm "Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/11/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành H 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng các Điều 585, 587, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Ghi nhận chị Huỳnh Thị Diễm T đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất và không có yêu cầu gì khác.

- Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng P, bị cáo Nguyễn Thành H chịu trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Trần Văn T số tiền chi phí sửa xe, khôi phục lại hiện trạng ban đầu là 5.300.000 (Năm triệu ba trăm ngàn) đồng.

3. Về án phí:

Áp dụng các Điều 98, 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; các Điều 23, 26, 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Án phí dân sự sơ thẩm: các bị cáo Nguyễn Hoàng P và Nguyễn Thành H phải liên đới chịu là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, lãi suất chậm thi hành án, án phí hình sự sơ thẩm, quyền và thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm;

- Ngày 21/5/2018 bị cáo Nguyễn Hoàng P kháng cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt;

- Ngày 29/5/2018 bị cáo Nguyễn Thành H kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo. Ngày 08/6/2018 bị cáo Nguyễn Thành H có đơn kháng cáo bổ sung với yêu cầu: cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999; cho bị cáo được hưởng án treo;

tuyên rõ trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho bị hại Trần Văn T và nghĩa vụ nộp án phí dân sự giữa bị cáo và bị cáo P một cách cụ thể, theo phần.

Tại phiên tòa P thẩm;

Bị cáo Nguyễn Hoàng P thừa nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị cáo Nguyễn Thành H thừa nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm đã tuyên và có thay đổi, bổ sung yêu cầu kháng cáo, cụ thể: bị cáo H kháng cáo yêu cầu được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, h khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999; cho bị cáo được hưởng án treo; tuyên rõ cụ thể theo phần đối với số tiền mà bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho bị hại. Bị cáo H rút lại kháng cáo yêu cầu tuyên rõ cụ thể theo phần đối với số tiền án phí dân sự sơ thẩm mà bị cáo phải nộp. Bị cáo H bổ sung kháng cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại Trần Văn T đồng ý với sự thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa hai bị cáo Nguyễn Hoàng P và Nguyễn Thành H trong việc bồi thường thiệt hại cho anh đối với tổng số tiền 5.300.000 đồng sửa chữa chiếc xe mô tô biển số 71B1-xxx.xx , cụ thể: anh T đồng ý sự thỏa thuận bị cáo H có trách nhiệm bồi thường cho anh số tiền 2.000.000 đồng và bị cáo P có trách nhiệm bồi thường cho anh số tiền 3.300.000 đồng.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:

- Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của các bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; việc thay đổi, bổ sung kháng cáo của bị cáo H tại phiên tòa P thẩm phù hợp với quy định tại Điều 342 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Về nội dung: bị cáo Nguyễn Hoàng P đã cố ý thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của hai bị hại với tổng số tiền 36.862.500 đồng, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác. Bị cáo Nguyễn Thành H biết rõ tài sản do bị cáo P phạm tội mà có, nhưng khi bị cáo P đem bán tài sản trộm cắp được thì bị cáo H đã dùng tài sản của mình chuộc lại rồi đem đi bán nhằm mục đích vụ lợi, hành vi của bị cáo H đã trực tiếp xâm hại đến trật tự công cộng xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng P phạm "Tội trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và bị cáo Nguyễn Thành H phạm "Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật; mức hình phạt đối với các bị cáo là tương xứng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo P và bị cáo H; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Hoàng P, xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về "Tội trộm cắp tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm b, g, p

khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Thành H, xử phạt bị cáo Nguyễn Thành H 09 (chín) tháng tù về "Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận chị Huỳnh Thị Diễm T đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất và không có yêu cầu gì khác; ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường thiệt giữa bị cáo P, bị cáo H với bị hại T trong việc hai bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 5.300.000 đồng sửa chữa chiếc xe mô tô biển số 71B1-xxx.xx , cụ thể: bị cáo H bồi thường cho bị hại T 2.000.000 đồng và bị cáo P bồi thường cho bị hại T 3.300.000 đồng. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị P thẩm.

Bị cáo Nguyễn Hoàng P phát biểu ý kiến: xin Hội đồng xét xử P thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thành H phát biểu ý kiến: xin Hội đồng xét xử P thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị hại Trần Văn T phát biểu ý kiến: không tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa P thẩm; bị cáo Nguyễn Hoàng P khai nhận hành vi trộm cắp tài sản và bị cáo Nguyễn Thành H khai nhận hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, thể hiện: trong khoảng thời gian ngắn Nguyễn Hoàng P đã liên tiếp thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể:

Vụ thứ nhất: vào khoảng 16 giờ ngày 29/9/2017 bị cáo Nguyễn Hoàng P đến nhà của chị Huỳnh Thị Diễm T tại khu phố x, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre lấy trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Nozza, biển số 71B1-xxx.xx, số tiền 9.780.500 đồng; 02 dây chuyền; 03 thẻ ngân hàng; 01 bóp nữ màu nâu; 01 bóp nữ màu xanh trắng; 02 CMND mang tên Huỳnh Thị Diễm T và Huỳnh Văn Â cùng một số giấy tờ cá nhân khác. Tổng giá trị tài sản bị cáo trộm được là 28.862.500 đồng.

Vụ thứ hai: vào khoảng 01 giờ ngày 04/11/2017, bị cáo Nguyễn Hoàng P vào nhà của anh Trần Văn T tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre lấy trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave biển số 71B1-xxx.xx trị giá 8.000.000 đồng mang đi bán. Bị cáo Nguyễn Thành H biết rõ chiếc xe này là do bị cáo P trộm cắp mà có, bị cáo H đã tích cực dùng tài sản của mình chuộc lại rồi mang đi bán để thu lợi.

Tổng giá trị tài sản bị trộm cắp của 02 vụ trộm là 36.862.500 đồng.

Với ý thức, hành vi và hậu quả xảy ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng P phạm "Tội trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và bị cáo Nguyễn Thành H phạm "Tội tiêu thụ tài

sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng P yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất của vụ án; mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; nhân thân của bị cáo; tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo là đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản mà mỗi lần trộm cắp tài sản đều đủ định lượng cấu thành tội phạm, nên bị cáo có tình tiết tăng nặng “Phạm tội nhiều lần”; tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo là có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; đã áp dụng điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù. Xét thấy bản thân bị cáo là người nghiện ma túy, để có tiền tiêu xài bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 29/9/2017, bị cáo được tại ngoại để điều tra nhưng bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 04/11/2017, từ khi thực hiện hành vi phạm tội đến nay bị cáo chưa bồi thường khoản thiệt hại nào cho bị hại, điều đó cho thấy bị cáo có thái độ xem thường pháp luật và tài sản của người khác; tại cấp phúc thẩm bị cáo cũng không bổ sung được tình tiết mới có ý nghĩa xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vì vậy mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là tương xứng. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo; giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo theo Bản án sơ thẩm đã tuyên và như Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành H yêu cầu cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999; giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; cho bị cáo được hưởng án treo; tuyên rõ cụ thể theo phần đối với số tiền mà bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho bị hại Trần Văn T. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[3.1] Mặc dù bị cáo phạm tội “thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, nhưng bị cáo cũng thừa nhận về nhân thân của bị cáo vào ngày 01/7/1992 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xử phạt 12 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản của công dân”**,** vì vậy không thể xem là bị cáo mới “phạm tội lần đầu”, do bị cáo không có đủ hai yêu tố “phạm tội lần đầu” và “thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” nên không đủ điều kiện để được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999; vì vậy kháng cáo của bị cáo yêu cầu được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Xét thấy trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo có nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre số tiền 2.000.000 đồng theo biên lai thu

tiền số 000XXXX ngày 24/7/2018 để đảm bảo thi hành án bồi thường thiệt hại cho phía bị hại, vì vậy kháng cáo của bị cáo yêu cầu được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "bồi thường thiệt hại" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ pháp luật nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[3.2] Mặc dù bị cáo H không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại các điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, tại cấp phúc thẩm bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới là "bồi thường thiệt hại" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Tuy nhiên; bị cáo có nhân thân không tốt, nhiều lần bị bắt về hành vi trộm cắp tài sản, đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản nhưng không chịu cải sửa bản thân mà lại phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, điều đó cho thấy bị cáo xem thường pháp luật và tài sản của người khác, hành vi của bị cáo còn trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng của xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đã áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo và không cho bị cáo được hưởng án treo là có căn cứ pháp luật. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về phần biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo H có căn cứ và đúng pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo H nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo; giữ nguyên biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo theo Bản án sơ thẩm đã tuyên và Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp. Tuy nhiên; xét thấy bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng, tại cấp phúc thẩm có thêm tình tiết giảm nhẹ mới, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo mức hình phạt 09 tháng tù và Kiểm sát viên đề nghị giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa quyết định hình phạt của Bản án sơ thẩm để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

[3.3] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bản án sơ thẩm buộc các bị cáo P và H chịu trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho bị hại T tổng số tiền sửa chữa xe mô tô là 5.300.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo P, bị cáo H với bị hại T đã tự nguyện thỏa thuận như sau: bị cáo P và bị cáo H liên đới bồi thường thiệt hại cho bị hại T tổng số tiền sửa chữa xe mô tô là 5.300.000 đồng; trong đó, bị cáo H có trách nhiệm bồi thường cho bị hại T 2.000.000 đồng, bị cáo P có trách nhiệm bồi thường cho bị hại T 3.300.000 đồng. Sự tự nguyện thỏa thuận này là phù hợp với quy định của

pháp luật và không trái với đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận. Vì vậy, kháng cáo của bị cáo H yêu cầu tuyên rõ cụ thể theo phần số tiền mà bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh T là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[3.4] Đối với bị cáo H đã rút lại kháng cáo yêu cầu tuyên rõ cụ thể theo phần đối với số tiền án phí dân sự sơ thẩm mà bị cáo phải nộp. Vì vậy phần án phí dân sự sơ thẩm xem như không có kháng cáo và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[4] Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thành H nộp biên lai thu tiền số 000XXXX ngày 24/7/2018 của Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre với số tiền 2.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án đối với khoản tiền mà bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Trần Văn T. Vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận để làm cơ sở cho Cơ quan Thi hành án dân sự thi hành án theo thẩm quyền.

[5] Về án phí:

Do kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng P không được chấp nhận nên bị cáo P phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Do kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thành H được chấp nhận nên bị cáo H không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ vào điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng P; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành H; sửa Bản án sơ thẩm số: 22/2018/HS-ST ngày 16-5-2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;

[1.1] Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Hoàng P;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về "Tội trộm cắp tài sản"; thời hạn tù tính từ ngày 07/11/2017.

[1.2] Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Thành H;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành H 06 (sáu) tháng tù về "Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có";

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[2] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: áp dụng các Điều 585, 587, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Ghi nhận chị Huỳnh Thị Diễm T đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất và không có yêu cầu gì khác.

- Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng P và bị cáo Nguyễn Thành H chịu trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho anh Trần Văn T chi phí sửa xe, khôi phục lại hiện trạng xe ban đầu với số tiền là 5.300.000 (năm triệu ba trăm ngàn) đồng, cụ thể: bị cáo Nguyễn Hoàng P chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho anh Trần Văn T số tiền 3.300.000 (ba triệu ba trăm ngàn) đồng; bị cáo Nguyễn Thành H chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho anh Trần Văn T số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng.

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền bồi thường nêu trên nếu chưa được thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Bị cáo Nguyễn Hoàng P phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Thành H không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ - CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Châu Thành (1b);
- TAND huyện Châu Thành (6b);
- Chi cục THADS huyện Châu Thành (2b);
- Công an huyện Châu Thành (1b);
- Nhà tạm giữ Công an huyện Châu Thành (2b) (yêu cầu tống đạt cho bị cáo Nguyễn Hoàng P1b);
- Bị cáo Nguyễn Thành H tại ngoại (1b);
- UBND xã H, huyện C (1b);
- Vụ GĐKT I TANDTC (1b);
- Tòa Hình sự, Phòng KTNV&THA, Văn Phòng Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (6b);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Tôn Văn Thông